

## CHUYÊN ĐỀ 1. BIỂU ĐỒ CỘT

### A. LÝ THUYẾT

#### 1. Cách vẽ biểu đồ cột

*Bước 1: Phân tích bảng số liệu và xây dựng hệ trục tọa độ*

- Quan sát BSL để tìm giá trị nhỏ nhất, lớn nhất để xây dựng hệ trục tọa độ.
- Xác định tỉ lệ, phạm vi khổ giấy phù hợp.
- Xây dựng hệ trục tọa độ hợp lí chiều cao trục tung =  $\frac{2}{3}$  chiều dài trục hoành.

*Bước 2: Vẽ biểu đồ*

- Đánh số chuẩn trên trục tung phải cách đều nhau.
- Khoảng cách năm thật chính xác (nếu các địa điểm thì đều nhau).
- Không được tự ý sắp xếp lại thứ tự số liệu (nếu không có yêu cầu).
- Cột đầu tiên phải cách trục tung khoảng 0,5-1,0 cm (trừ biểu đồ lượng mưa).
- Độ rộng các cột phải đều nhau.

*Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ*

- Viết số liệu trên đỉnh cột, trong cột (nếu là cột chồng).
- Viết đơn vị vào trục tung và trục hoành.
- Hoàn chỉnh bảng chú giải và tên biểu đồ.

#### 2. Cách nhận xét biểu đồ cột

*\* Trường hợp cột đơn (chỉ có một yếu tố)*

- Xem xét năm đầu và năm cuối của bảng số liệu để trả lời câu hỏi tăng hay giảm?
- Xem số liệu ở khoảng trong để trả lời: tăng (hay giảm) liên tục hay không liên tục?
- + Nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào nhanh, giai đoạn nào chậm.
- + Nếu không liên tục thì năm nào không còn liên tục.

*\* Trường hợp cột đôi, ba, ... (hai yếu tố trở lên)*

- Nhận xét xu hướng chung.
- Nhận xét từng yếu tố một, giống như trường hợp 1 yếu tố (cột đơn).
- Kết luận (có thể so sánh, tìm yếu tố liên quan giữa hai cột).
- Có một vài giải thích và kết luận.

*\* Trường hợp cột là các vùng, các nước, ...*

- Nhận xét chung nhất về bảng số liệu.

- Sắp xếp theo tiêu chí: Cao nhất, thứ nhì,... thấp nhất (cần chi tiết).
- So sánh giữa cái cao nhất và cái thấp nhất, giữa đồng bằng với đồng bằng, giữa miền núi với miền núi,...

- Kết luận và giải thích.

\* *Trường hợp cột là lượng mưa (biểu đồ khí hậu)*

- Nhận xét chung về tổng lượng mưa và đánh giá tổng lượng mưa.
- Sự phân mùa của biến trình mưa (mùa mưa, mùa khô từ tháng nào đến tháng nào? Tổng lượng mưa trong mùa mưa/khô).

- Tháng mưa nhiều nhất, lượng mưa bao nhiêu mm và tháng khô nhất, mưa bao nhiêu?

- So sánh tháng mưa nhiều nhất và tháng mưa ít nhất (có thể có hai tháng mưa nhiều và hai tháng mưa ít).

## B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

**Bài tập 1:** Cho bảng số liệu sau:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lượng mưa	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327	266,7	116,5	48,3

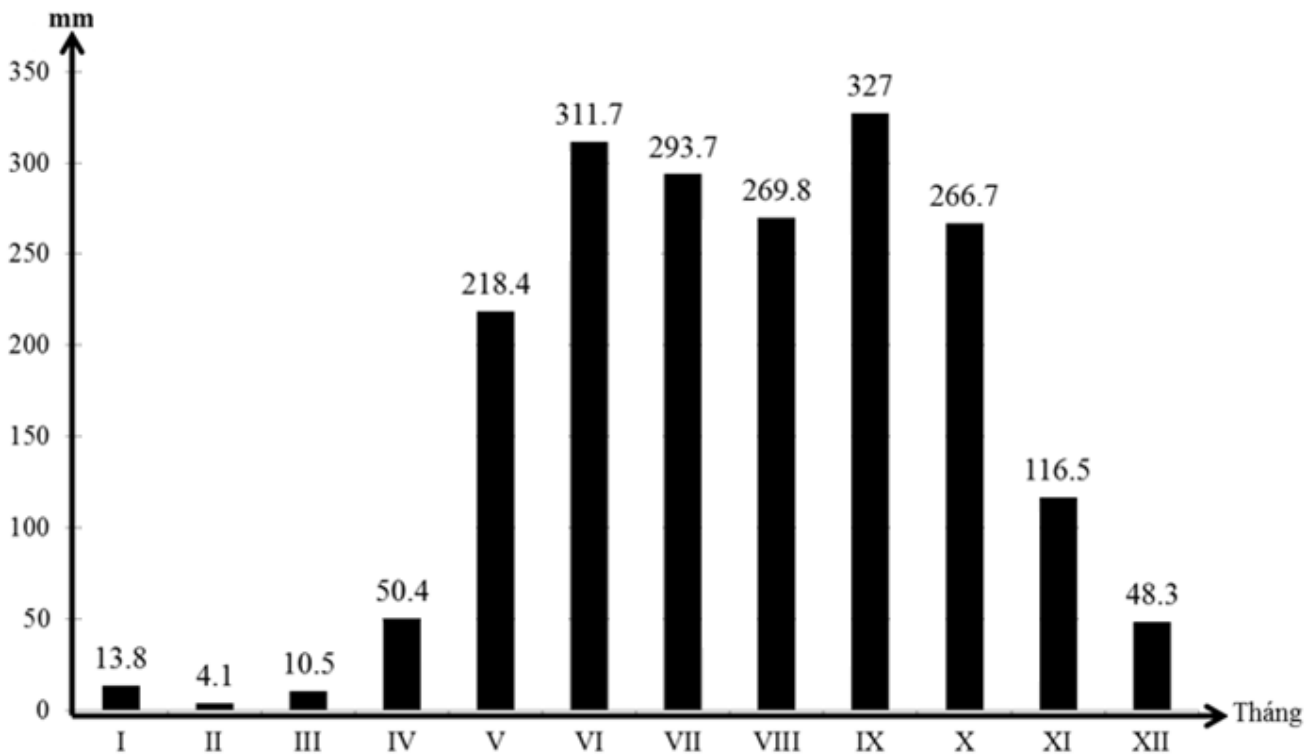
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa trung bình tháng ở TP. Hồ Chí Minh?
- Nhận xét biểu đồ đã vẽ và giải thích tại sao ở TP. Hồ Chí Minh có mùa mưa - khô sâu sắc trong năm?

### Hướng dẫn trả lời

a) *Vẽ biểu đồ*





BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở TP. HỒ CHÍ MINH

**b) Nhận xét và giải thích**

**\* Nhận xét**

- Nhìn chung, lượng mưa có sự phân hóa không đều theo thời gian.
- Lượng mưa
  - + Lượng mưa trung bình năm: 1930,9mm.
  - + Lượng mưa lớn nhất vào tháng IX: 327mm.
  - + Lượng mưa nhỏ nhất vào tháng III: 4,1mm.
  - + Sự phân mùa: Mùa mưa từ tháng V đến tháng XI (1803,8mm - 93,4%), mùa khô từ tháng XII đến tháng IV năm sau (127,1mm - 6,6%). Lượng mưa mùa mưa gấp 14,2 lần lượng mưa mùa khô.
- Kết luận: Nước ta có nền nhiệt độ cao quanh năm và lượng mưa có sự phân mùa trong năm => Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa.

**\* Giải thích**

- Lượng mưa có sự phân mùa trong năm do biến trình mưa chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ mùa của khí hậu. Hằng năm, nước ta chịu ảnh hưởng của hai luồng gió mùa điển hình là gió mùa mùa đông (khô, lạnh đầu mùa đông; lạnh, ẩm cuối mùa đông) và gió mùa mùa hạ (nóng, ẩm, mưa nhiều).

- TP. Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Tây Nam nên mùa mưa có lượng mưa trong năm rất lớn và kéo dài 7 tháng, trong khi đó vào mùa khô chịu ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc (khô, nóng) nên mùa khô sâu sắc, không có mùa -> Khí hậu ở TP. Hồ Chí Minh có một mùa mưa - khô sâu sắc.

**Bài tập 2:** Cho bảng số liệu sau:

GDP CỦA MA-LAI-XI-A VÀ XIN-GA-PO, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016 (Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2013	2016
Ma-lai-xi-a	255	323	297
Xin-ga-po	236	303	297

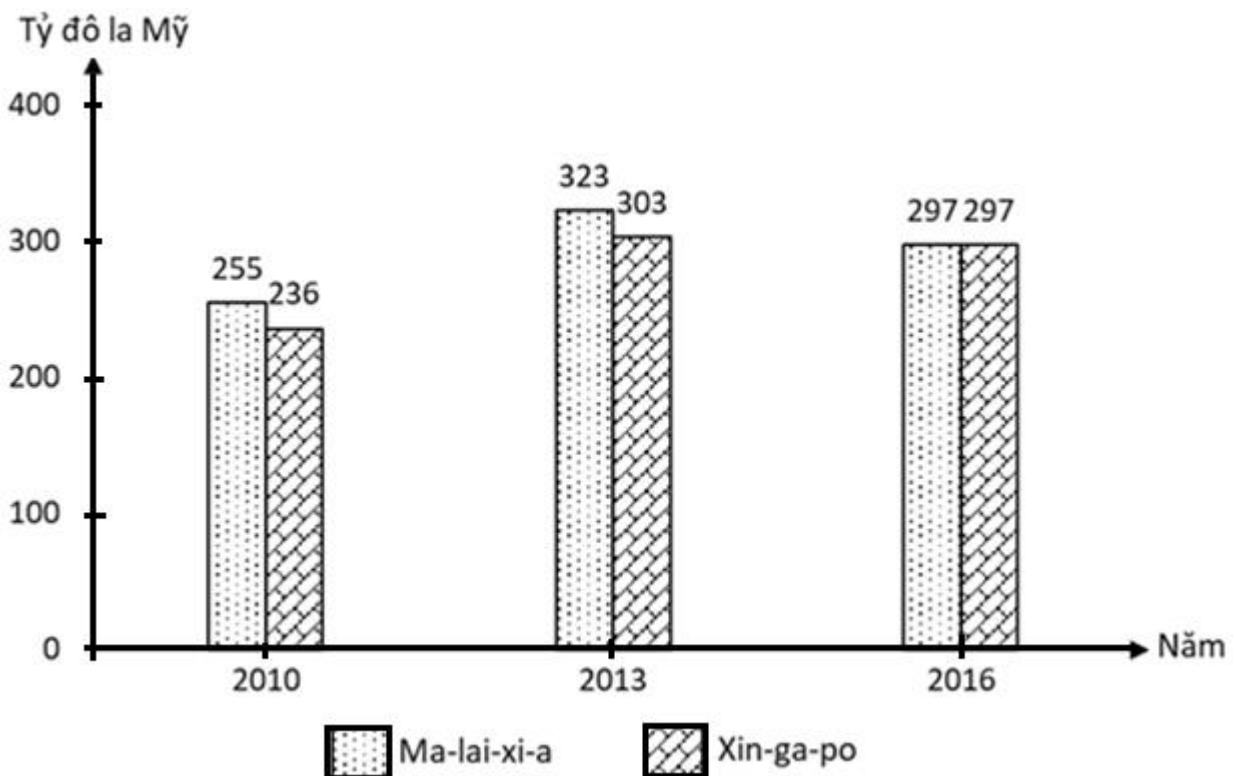
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po, giai đoạn 2010 - 2016?

b) Nhận xét và giải thích sự phát triển của GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po giai đoạn trên?

### Hướng dẫn trả lời

#### a) Vẽ biểu đồ



QUY MÔ GDP CỦA MA-LAI-XI-A VÀ XIN-GA-PO, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

**b) Nhận xét và giải thích****\* Nhận xét**

- GDP của các quốc gia đều có xu hướng tăng nhưng không ổn định.
- GDP của Ma-lai-xi-a tăng thêm 42 tỷ đô la Mỹ nhưng không ổn định (2010 - 2013 tăng, 2013 - 2016 giảm).
- GDP của Xi-ga-po tăng thêm 61 tỷ đô la Mỹ nhưng không ổn định (2010 - 2013 tăng, 2013 - 2016 giảm).

**\* Giải thích**

- GDP của các nước có xu hướng tăng là do sự hội nhập toàn cầu hóa nền kinh tế, các nước Đông Nam Á là khu vực có tiềm năng trở thành khu vực có nền kinh tế năng động, thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài,...
- GDP không ổn định chủ yếu do sự biến động của thị trường và ảnh hưởng của sự khủng hoảng nền kinh tế toàn cầu.

**Bài tập 3:** Cho bảng số liệu sau:

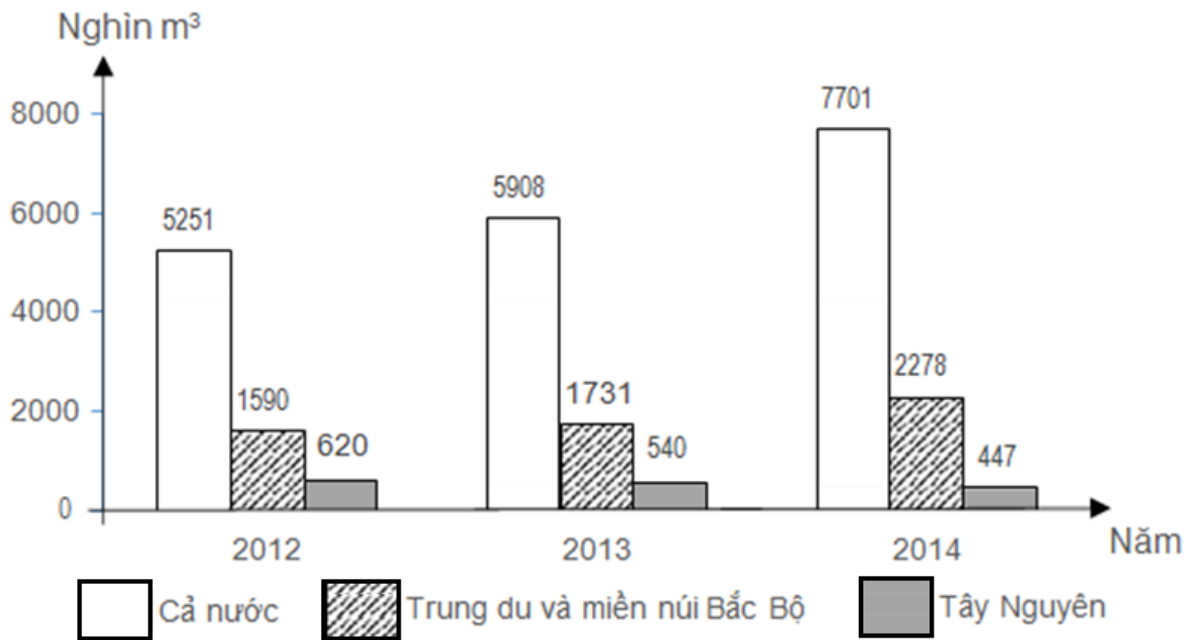
**SẢN LƯỢNG GỠ KHAI THÁC CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ VÙNG Ở NƯỚC TA,  
GIAI ĐOẠN 2012 - 2014 (Đơn vị: Nghìn m<sup>3</sup>)**

<b>Vùng Năm</b>	<b>Cả nước</b>	<b>Tây Nguyên</b>	<b>Trung du và miền núi Bắc Bộ</b>
2012	5251	620	1590
2013	5908	540	1731
2014	7701	447	2278

*(Nguồn: Tổng cục thống kê)*

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng gỗ khai thác của cả nước và một số vùng ở nước ta, giai đoạn 2012 - 2014.
- b) Nhận xét và giải thích biểu đồ đã vẽ.

**Hướng dẫn trả lời****a) Vẽ biểu đồ**



SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ VÙNG,  
GIAI ĐOẠN 2012 - 2014

### b) Nhận xét và giải thích

#### \* Nhận xét

- Nhìn chung, sản lượng gỗ ở nước ta và một số vùng khá cao. Cả nước (7701 nghìn m<sup>3</sup>), Trung du và miền núi Bắc Bộ (1731 nghìn m<sup>3</sup>) và Tây Nguyên (447 nghìn m<sup>3</sup>).
- Sản lượng gỗ cả nước ngày càng tăng và tăng thêm 2450 nghìn m<sup>3</sup>.
- Sản lượng gỗ của Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng liên tục và tăng thêm 688 nghìn m<sup>3</sup>.
- Sản lượng gỗ của Tây Nguyên giảm liên tục và giảm 173 nghìn m<sup>3</sup>.
- Sản lượng gỗ cả nước có tốc độ tăng nhanh nhất (146,7%), Trung du và miền núi Bắc Bộ (143,3%) và Tây Nguyên chậm nhất (72,1%).

#### \* Giải thích

- Cả nước tăng là do nước ta triển khai, đẩy mạnh công tác trồng rừng nên sản lượng gỗ khai thác từ các rừng sản xuất ngày càng lớn, đặc biệt là các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang,...) tăng cường trồng thêm nhiều rừng.
- Tây Nguyên có sản lượng gỗ giảm chủ yếu do vùng Tây Nguyên trước đây khai thác gỗ tự nhiên, diện tích rừng trồng nhỏ và rừng tự nhiên giảm nhiều.

**Bài tập 4:** Cho bảng số liệu sau:

LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

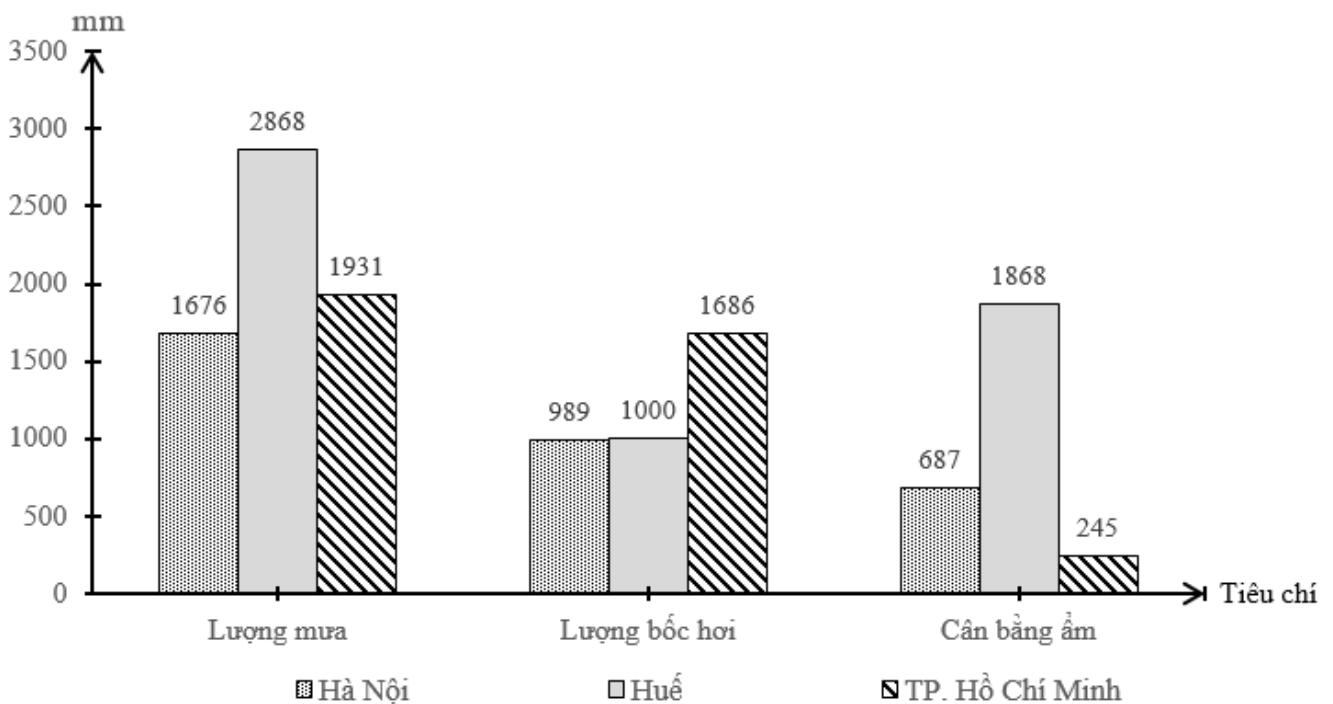
## Ở NƯỚC TA (Đơn vị: mm)

Địa điểm	Lượng mưa	Lượng bốc hơi	Cân bằng ẩm
Hà Nội	1676	989	687
Huế	2868	1000	1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	245

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm ở nước ta?

b) Nhận xét và giải thích tại sao cân bằng ẩm ở Huế lại cao nhất cả nước?

**Hướng dẫn trả lời****a) Vẽ biểu đồ**

LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM  
Ở NƯỚC TA

**b) Nhận xét và giải thích**

\* Nhận xét

Qua biểu đồ, ta thấy:

- Lượng mưa cao nhất ở Huế (2868mm), tiếp đến TP. Hồ Chí Minh (1931mm) và Hà Nội thấp nhất (1676mm).

- Bốc hơi cao nhất ở TP. Hồ Chí Minh (1686mm), tiếp đến là Huế (1000mm), Hà Nội thấp nhất (989mm).

- Cân bằng ẩm cao nhất ở Huế (1868mm), tiếp đến là Hà Nội (687mm), TP. Hồ Chí Minh thấp nhất (245mm).

*\* Giải thích*

Cân bằng ẩm phụ thuộc vào hai đại lượng (lượng mưa và lượng bốc hơi) nên ta thấy Huế có lượng mưa lớn nhất nhưng lại có lượng bốc hơi thấp -> Cân bằng ẩm cao nhất.

Huế mưa lớn là do chịu tác động của gió mùa Đông Bắc kết hợp với dãy Trường Sơn và dải hội tụ nhiệt đới vào mùa đông. Trong khi đó, mùa hạ ở Huế không quá nóng, lại có mưa nên lượng bốc hơi thấp hơn hai địa điểm Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

**Bài tập 5:** Cho bảng số liệu sau:

**NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA MĨ LA TINH, NĂM 2017 (Đơn vị: Tỷ USD)**

Quốc gia	Nợ nước ngoài	Quốc gia	Nợ nước ngoài
Ac-hen-ti-na	236.5	Mê-hi-cô	441.6
Bra-xin	543.0	Pa-ra-goay	15.9
Ê-cua-đo	41.1	Pê-ru	67.6
Ha-mai-ca	14.7	Vê-nê-xu-ê-la	148.9

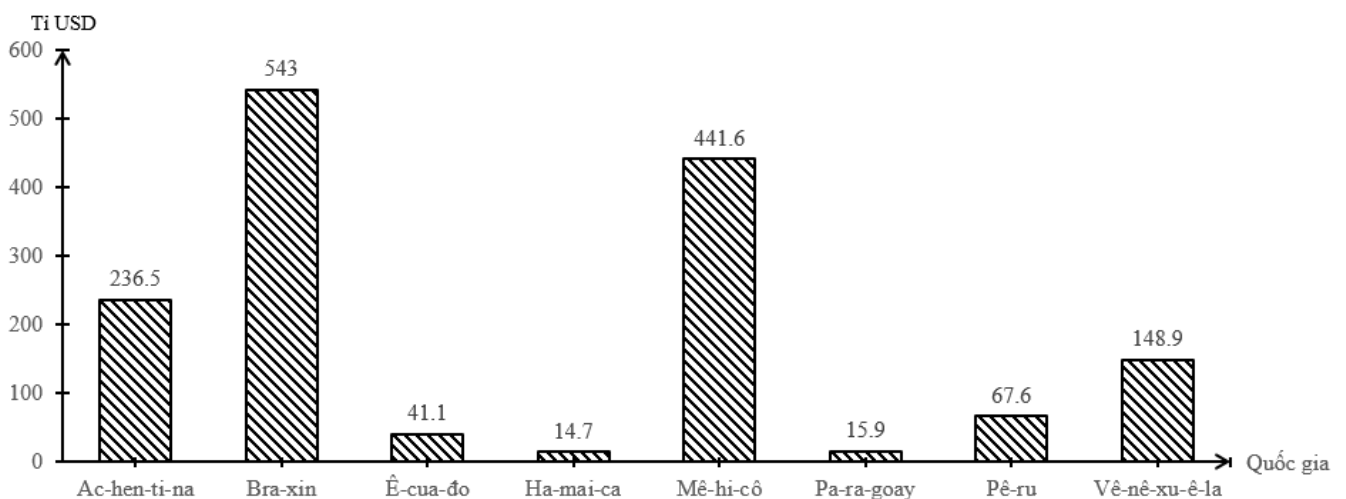
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tình hình nợ nước ngoài của một số quốc gia Mỹ Latinh, năm 2017?

b) Nhận xét và giải thích biểu đồ đã vẽ.

**Hướng dẫn trả lời**

**a) Vẽ biểu đồ**



**TÌNH HÌNH NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA MĨ LA TINH, NĂM 2017**



**b) Nhận xét và giải thích****\* Nhận xét**

- Nhìn chung, các quốc gia khu vực Mỹ Latinh nợ nước ngoài khá nhiều.
- Bra-xin có nợ nước ngoài lớn nhất (543 tỉ USD), tiếp đến là Mê-hi-cô (441.6 tỉ USD), Ac-hen-ti-na, Vê-nê-xu-ê-la,... và Ha-mai-ca nợ nước ngoài thấp nhất (14.7 tỉ USD).
- Chênh lệch giữa quốc gia nợ nước ngoài nhiều nhất và ít nhất là 36,9 lần; giữa nước nhiều nhất và nhiều thứ 2 là 1,2 lần.

**\* Giải thích**

- Các quốc gia thuộc khu vực Mỹ Latinh là các nước đang phát triển nên nợ nước ngoài nhiều để phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế.
- Các nước lớn có nợ nước ngoài lớn hơn các quốc gia cỡ diện tích, dân số thấp do nhu cầu về phát triển nền kinh tế, các chi phí xã hội - môi trường,... lớn hơn rất nhiều. Ngoài ra còn do chính sách của từng quốc gia, nguồn tài nguyên thiên nhiên trong nước.

**C. MỘT SỐ BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

**Bài tập 1:** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG LỢN CỦA NƯỚC TA VÀ MỘT SỐ VÙNG, NĂM 2010 VÀ NĂM 2016

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	2010	2016
<b>Cả nước/vùng</b>		
Cả nước	27373,3	29075,3
Đồng bằng sông Hồng	7301,0	7414,4
Đồng bằng sông Cửu Long	3798,9	3803,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình chăn nuôi lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, năm 2010 và năm 2016?
- Nhận xét và giải thích tại sao chăn nuôi ở vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển hơn vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

**Bài tập 2:** Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT - NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2013	2014	2015
Xuất khẩu	72 236,7	132 032,9	150 217,1	162 016,7
Nhập khẩu	84 838,6	132 032,6	147 849,1	165 775,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình xuất - nhập khẩu ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2015?

b) Nhận xét và giải thích tại sao các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu ở nước ta ngày càng tăng?

**Bài tập 3:** Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM (Đơn vị:  $^{\circ}C$ )

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I	Nhiệt độ trung bình tháng VII	Nhiệt độ trung bình năm
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
Đà Nẵng	21,3	29,1	25,7
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	26,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện nhiệt độ trung bình năm của một số địa điểm ở nước ta?

b) Nhận xét và giải thích tại sao nhiệt độ trung bình năm nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam?

**Bài tập 4:** Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017?

b) Nhận xét và giải thích tốc độ phát triển của ngành sản xuất chè ở nước ta giai đoạn trên?

**Bài tập 5:** Cho bảng số liệu sau:

NĂNG SUẤT LÚA CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG,  
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 1995 - 2015 (Đơn vị: tạ/ha)

Năm	1995	2000	2015
Vùng			
Cả nước	36,9	42,4	57,6
Đồng bằng sông Hồng	44,4	55,2	60,6
Đồng bằng sông Cửu Long	40,2	42,3	59,4

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện năng suất lúa của cả nước, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm?

b) Nhận xét và giải thích tại sao năng suất lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng luôn lớn hơn vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước?

**Bài tập 6:** Cho bảng số liệu sau:

TỔNG GDP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1985 - 2015 (Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	1985	1995	2000	2005	2010	2015
GDP	14,1	20,7	33,64	57,6	116	194

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tổng GDP của nước ta, giai đoạn 1985 - 2015?

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta giai đoạn trên. Giải thích tại sao nước ta có GDP ngày càng lớn và tăng nhanh?

**Bài tập 7:** Cho bảng số liệu sau:

DÂN SỐ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2011	2013	2015	2017	2019
Dân số	87.860,4	89.759,5	91.731,3	94.286,0	96.484,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô dân số của nước ta, giai đoạn 2011 - 2019?
- b) Nhận xét và giải thích tại sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên đã giảm nhưng dân số nước ta vẫn tăng nhanh?

**Bài tập 8:** Cho bảng số liệu sau:

DÂN SỐ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1995 - 2017 (Đơn vị: Triệu người)

Năm	1995	2000	2010	2014	2017
Tổng số dân	72,0	77,6	86,9	90,7	94,3
Số dân thành thị	14,9	18,7	26,5	30,0	31,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi tổng số dân và số dân thành thị của nước ta trong giai đoạn 1995 - 2017?
- b) Nhận xét và giải thích biểu đồ đã vẽ.

**Bài tập 9:** Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY LƯƠNG THỰC NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2016

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	Tổng diện tích	Lúa	Ngô	Cây lương thực khác
1990	6 476,9	6 042,8	431,8	2,3
2000	8 399,1	7 666,3	730,2	2,6
2010	8 615,9	7 489,4	1 125,7	0,8
2016	8 947,9	7 790,4	1 152,4	5,1

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích gieo trồng cây lương thực phân theo các loại cây trồng nước ta giai đoạn 1990 - 2016?
- b) Nhận xét và giải thích biểu đồ đã vẽ.

**Bài tập 10:** Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn $km^2$ )	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Tính mật độ dân số của các quốc gia?

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện mật độ dân số của một số quốc gia Đông Nam Á.

Nhận xét và giải thích biểu đồ đã vẽ.

VIETJACK.COM